

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 24/2020/ TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị Tô Thị N - Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Xóm 1, xã Khánh M, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Lê Anh T - Sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Xóm 1, xã Khánh M, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 05 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tô Thị N và anh Lê Anh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung (riêng): Giao cháu Lê Đức Anh M, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2018 cho chị Tô Thị N được chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ khi ly hôn cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Lê Anh T không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cháu M cho chị N và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về con riêng: Chị Tô Thị N có 01 con riêng là cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2003. Anh Lê Anh T có 02 con riêng là cháu Lê Hồng Ngọc A, sinh ngày

22 tháng 11 năm 1998 và cháu Lê Hồng Ngọc Á, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2004. Nay ly hôn về con riêng của ai người đó có trách nhiệm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho tới khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị N và anh T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con riêng cho nhau.

2.2. Về tài sản chung(riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Tô Thị N và anh Lê Anh T thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có, nay ly hôn chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Tô Thị N nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002163 ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Hoàn trả lại cho chị Tô Thị N số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh M.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung